TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2025
V/v "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Hợp** và ông **Nguyễn Văn Kiện**

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **Danh Lý Khang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm Sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2024, về việc *"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Bé T**, Sinh năm: 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp AT, xã BA, huyện CT, tỉnh KG

***** Bị đơn: Anh **Huỳnh Chí T1**, Sinh năm: 1979

Nơi cư trú : ấp AT, xã BA, huyện CT, tỉnh KG

(Anh Huỳnh Chí T1 đã triệu tập lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Nguyên đơn chị Dương Thị Bé T trình bày:* Chị và anh Huỳnh Chí T1 có tìm hiểu nhau đến năm 2013 thì tiến hành tổ chức đám cưới với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BA, huyện CT, tỉnh KG. Sau khi chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 người

con chung tên Huỳnh Tâm N, sinh ngày 21/8/2013 nhưng đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống với nhau, mặc dù cả hai cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn mâu thuẫn. Chị và anh T1 đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn

Tại phiên tòa chị Dương Thị Bé T có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Huỳnh Chí T1.

- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Huỳnh T1 N, sinh ngày 21/8/2013. Chị không yêu cầu anh Huỳnh Chí T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Huỳnh Chí T1:* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Chí T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án. Nhưng qua thời gian luật định anh Huỳnh Chí T1 vẫn không có văn bản tự khai và cũng không có ý kiến gì gửi đến Tòa án. Sau đó, Tòa án tiếp tục tống đạt cũng như niêm yết nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật nhưng anh Huỳnh Chí T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Bé T. Cho chị Dương Thị Bé T được ly hôn với anh Huỳnh Chí T1.

- Về con chung: Giao 01 người con Huỳnh T1 N, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Dương Thị Bé T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Huỳnh Chí T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Dương Thị Bé T xác định là không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Dương Thị Bé T xác định là không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị Bé T thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn Dương Thị Bé T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Chí T1 và yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 01 người con tên Huỳnh T1 N, sinh ngày 21/8/2013. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là *"Xin ly hôn và nuôi con chung"*.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Huỳnh Chí T1 đã được Tòa án triệu tập, tống đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Huỳnh Chí T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị Bé T yêu cầu xét xử vắng mặt anh Huỳnh Chí T1. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Huỳnh Chí T1 theo quy định pháp luật.

[4] - Về nội dung: Chị Dương Thị Bé T và anh Huỳnh Chí T1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BA, huyện CT, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Bé T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Chí T1: HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị Bé T xác nhận, sau khi kết hôn thì giữa chị và anh Huỳnh Chí T1 chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì giữa chị và anh Huỳnh Chí T1 hay xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Đối với anh Huỳnh Chí T1 mặc dù Tòa án đã nhiều lần tống đạt thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên anh chị có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng anh Huỳnh Chí T1 vẫn vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để anh Huỳnh Chí T1 có mặt tham gia phiên tòa nhưng anh Huỳnh Chí T1 vẫn vắng mặt. Tại phiên toà, chị Dương Thị Bé T vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh Huỳnh Chí T1 và trên thực tế anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị Dương Thị Bé T và anh Huỳnh Chí T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, xét thấy việc chị Dương Thị Bé T xin được ly hôn đối với anh Huỳnh Chí T1 là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Bé T đối với anh Huỳnh Chí T1.

[5] - Về con chung: Chị Dương Thị Bé T xác định trong quá trình chung sống anh chị có 01 người con tên Huỳnh Tâm N, sinh ngày 21/8/2013. Nay chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Huỳnh Tâm N, sinh ngày 21/8/2013 và không yêu cầu anh Huỳnh Chí T1 cấp dưỡng nuôi con. HĐXX nhận thấy kể từ sau khi anh chị sống ly thân cho đến nay chị Dương Thị Bé T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Tâm N, sinh ngày 21/8/2013, chị vẫn chăm sóc tốt cho cháu nên HĐXX giao cháu Huỳnh Tâm N, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Dương Thị Bé T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh Tâm N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] - Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh Huỳnh Chí T1 đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Huỳnh Chí T1 vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất để xác định về tài sản chung cũng như nợ chung giữa ông bà được. Mặt khác, tại phiên toà chị Dương Thị Bé T khẳng định anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung và nợ chung HĐXX không xem xét nếu sau này anh chị hoặc cơ quan tổ

chức, cá nhân nào khác có yêu cầu thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc chị Dương Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng chị được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005701 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 53; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị Bé T đối với bị đơn anh Huỳnh Chí T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Dương Thị Bé T được ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Chí T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao 01 cháu Huỳnh T1 N, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Dương Thị Bé T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Dương Thị Bé T không yêu cầu anh Huỳnh Chí T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Huỳnh Chí T1 có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai có quyền được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Dương Thị Bé T xác định là không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Dương Thị Bé T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Dương Thị Bé T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền án phí nhưng chị được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005701 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Tấn Đẩu